

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 11 - 2024.

Về “*Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Thường

Ông Bùi Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 437/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 02/01/1983.

Nơi ĐKKHKT: khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Nơi ở hiện nay: No 11 jalan utarid u5/17 seksyen u 5.40150, SHAH ALAM SELANGOR,D,E, K, M-L-X-A, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Người được nguyên đơn ủy quyền giao, nhận tài liệu:* ông Nguyễn Đình G, sinh 1988. Nơi cư trú: Ngõ A, đường C, quận B, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* anh Phạm Đức Q, sinh ngày 20/12/1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Nơi ở hiện nay: Số C, đường H, thành phố Đ, Đài Loan, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Người được bị đơn ủy quyền giao, nhận tài liệu:* ông Nguyễn Đức A. Chỗ ở hiện nay: Số A, ngõ A, đường C, quận B, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Phạm Thị T, sinh năm 1949. Nơi cư trú: khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị P như sau:

Chị và anh Phạm Đức Q tự nguyện yêu thương và đăng ký kết hôn ngày 12/4/2012 được UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2012, quyền số 01/2010. Trong thời gian đầu sinh sống hai vợ chồng rất hoà thuận, hạnh phúc. Năm 2017 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tích cách, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Mặc dù vợ chồng đã rất cố gắng, hai bên gia đình cũng đã góp ý, khuyên nhủ, nhưng chúng tôi vẫn không thể kiềm chế được nổi bức xúc khi cùng chung sống trong cùng một mái nhà khi mà tính cách, quan niệm, thói quen... rất khác nhau, không thể hoà hợp và mục đích hôn nhân không đạt được.

Chị P và anh Q mỗi người sinh sống và làm việc ở đất nước khác nhau. Chị P sinh sống làm việc ở M-L-X-A, còn anh Q sinh sống, làm việc ở Đài Loan từ năm 2017 đến nay. Từ lúc hai vợ chồng sống ly thân, giữa chị P và anh Q gần như không liên lạc và không còn quan tâm đến nhau.

Những mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân và cuộc sống ly thân kéo dài khiến đời sống tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng và không thể hàn gắn được nữa. Tình cảm của hai vợ chồng trở nên phai nhạt dần. Mục đích xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc và dân chủ không đạt được. Đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, cần phải giải thoát cho cả hai để ổn định cuộc sống. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, chị P đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Phạm Đức Q.

Về con chung: chị P, anh Q có 02 con chung là: cháu Phạm Thị Hà N, sinh ngày 18/11/2011 và cháu Phạm Quỳnh C, sinh ngày 27/01/2014. Vợ chồng đã thoả thuận và đồng ý cả hai con chung Phạm Thị Hà N và Phạm Quỳnh C cho anh Phạm Đức Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung của chị P, anh Q hiện nay đang được mẹ đẻ của anh Q là bà Phạm Thị T (bà nội các cháu) chăm sóc, nuôi dưỡng tại khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị P và anh Q tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 16/9/2024, bị đơn – anh Phạm Đức Q trình bày: anh Q thừa nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn như chị P đã khai. Tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: anh Q, chị P có 02 con chung là: cháu Phạm Thị Hà N, sinh ngày 18/11/2011 và cháu Phạm Quỳnh C, sinh ngày 27/01/2014. Anh Q, chị P đã thoả thuận và đồng ý giao cả hai con chung cho anh Phạm Đức Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung của anh Q, chị P hiện nay đang được mẹ đẻ của anh Q là bà Phạm Thị T (bà nội các cháu) chăm sóc, nuôi dưỡng tại khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hiện nay anh Q đang ở nước ngoài, nên anh nhờ bà T (bà nội của các cháu) tiếp tục chăm sóc hai cháu giúp anh cho tới khi anh về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Q và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị P đang làm thủ tục ly hôn với con trai bà là anh Phạm Đức Q. Anh Q có nguyện vọng nhờ bà T chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu là Phạm Thị Hà N, sinh ngày 18/11/2011 và cháu Phạm Quỳnh C, sinh ngày 27/01/201. Hiện nay hai cháu đang sống cùng bà tại khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Từ khi anh Q, chị P đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, hai cháu đều do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay anh Q và chị P ly hôn, bà T đồng ý chăm sóc hai cháu thay anh Q cho đến khi anh Q về Việt Nam. Về chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung của anh Q, chị P từ trước tới nay bà không yêu cầu anh Q, chị P hoàn trả chi phí này. Do tuổi cao, bà T đề nghị Tòa án xét xử vụ vắng mặt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo qui định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.1] Về thẩm quyền: nguyên đơn - chị Nguyễn Thị P và bị đơn - anh Phạm Đức Q có địa chỉ cư trú tại khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Chị P hiện nay cư trú tại: N jalan utarid u5/17 seksyen u 5.40150, SHAH ALAM SELANGOR,D,E, K, M-L-X-A. Anh Q, hiện đang sinh sống và làm việc tại số C, đường H, thành phố Đ, Đài Loan, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38, Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thủ tục hòa giải: vụ án không thể tiến hành hòa giải được vì hiện nay chị P, anh Q đang ở nước ngoài và đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, là phù hợp khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị P: có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh tại khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An, hiện nay cư trú tại: N jalan utarid u5/17 seksyen u 5.40150, SHAH ALAM SELANGOR,D,E, K, M-L-Xi-A, chưa có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị P đã

ủy quyền cho ông Nguyễn Đình G, có địa chỉ cư trú: Ngõ A, đường C, quận B, thành phố Hà Nội nộp hồ sơ khởi kiện (có chứng thực của Đ tại M-lai-xi-a) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và chỉ đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Phạm Đức Q: địa chỉ trước khi xuất cảnh: khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Nơi ở hiện nay: Số C, đường H, thành phố Đ, Đài Loan, đã biết Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị P. Tuy nhiên, anh chưa thể về Việt Nam để giải quyết được, nên anh Q đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đức A, có địa chỉ cư trú tại số A, ngõ A, đường C, quận B, thành phố Hà Nội nộp bản tự khai (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị T đã nhận được thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà T đã có bản tự khai (có chứng thực của UBND phường L, thị xã T) gửi cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Giấy chứng kết hôn số 10/2012 của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An thì quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Đức Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng rất hoà thuận, hạnh phúc. Năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tích cách, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Mặc dù giữa chị P, anh Q đã rất cố gắng, hai bên gia đình cũng đã góp ý, khuyên nhủ, nhưng không thể hoà hợp và mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị P và anh Q sinh sống và làm việc ở đất nước khác nhau. Chị P sinh sống làm việc ở M-L-X-A, còn anh Q sinh sống, làm việc ở Đài Loan từ năm 2017 đến nay, vợ chồng sống xa nhau nhưng không còn quan tâm đến nhau. Mục đích xây dựng cuộc sống hạnh phúc không đạt, tình cảm đời sống vợ chồng không thể kéo dài, nên cần ghi nhận sự thống nhất và thỏa thuận, xử cho chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Đức Q được ly hôn.

2.2. Về con chung: chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Đức Q có hai con chung là Phạm Thị Hà N, sinh ngày 18/11/2011 và Phạm Quỳnh C, sinh ngày 27/01/2014. Chị P và anh Q đã thỏa thuận giao 02 con chung cho anh Q nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét: sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái qui định pháp luật và đạo đức xã hội. Cháu N và cháu C hiện nay đang sống cùng bà Phạm Thị T (bà nội các cháu) tại khối D, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hiện nay anh Q đang ở nước ngoài, nên anh đã nhờ mẹ đẻ của anh là bà T (bà nội) các cháu thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi anh về Việt Nam. Bà T cũng đã tự nguyện đồng ý chăm sóc hai cháu thay anh Q cho tới khi anh Q về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai yêu cầu, miễn xét.

Bà T không yêu cầu hoàn tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Thị P, anh Phạm Đức Q, nên miễn xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị P, anh Phạm Đức Q không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị P, anh Q thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, nên các phải đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi bên 25%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 104, 122, 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, 37, 38, 39 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Đức Q.

2. Về con chung: ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của các bên như sau:

Giao anh Phạm Đức Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Thị Hà N, sinh ngày 18/11/2011 và Phạm Quỳnh C, sinh ngày 27/01/2014 đến đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Chi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị T về việc bà T chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Q, chị P là cháu Phạm Thị Hà N và cháu Phạm Quỳnh C trong thời gian anh Q ở nước ngoài cho tới khi anh Q về Việt Nam.

Về cấp dưỡng và chi phí chăm sóc con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Chị Nguyễn Thị P phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí; Trả lại cho chị Nguyễn Thị P số tiền 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013367 ngày

22/10/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Phạm Đức Q phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm (anh Q chưa nộp).

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị P, anh Phạm Đức Q đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Long Sơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Quỳnh

